



# NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VAY ĐÚNG HẠN CỦA KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN SAU DỊCH COVID 19 TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI CHI NHÁNH CÀ MAU

HUỲNH MINH ĐOÀN<sup>1\*</sup>, TRẦN YẾN NHI<sup>2</sup>,  
ĐẶNG VÕ TRÚC KHANH<sup>2</sup>, LƯU HẢI ĐĂNG<sup>2</sup>

## Tóm tắt

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 06 nhân tố tác động đến khả năng trả nợ vay đúng hạn khi vay vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau. Trong đó, có 4 nhân tố ảnh hưởng tích cực (tăng) đến khả năng trả nợ vay đúng hạn là Mucdich, Thunhap, Tuoi, Duno và 02 nhân tố có ảnh hưởng tiêu cực (giảm) đến khả năng trả nợ vay đúng hạn là Laisuat và Thoigian. Trên cơ sở nhóm nghiên cứu khảo sát ngẫu nhiên 349 khách hàng cá nhân đang có dư nợ tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau từ 01/01/2021 – 30/06/2022, cùng với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0. Nghiên cứu xem như là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản trị ngân hàng; cán bộ tín dụng; sinh viên; học viên và các nghiên cứu quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu này sau đại dịch Covid 19.

**Từ khóa:** Trả nợ vay đúng hạn

## Abstract

Research results have identified 06 factors affecting the ability to repay loans on time when borrowing capital at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank, Ca Mau branch. In which, there are 4 factors that positively (increase) on the ability to repay loans on time, namely Mucdich, Thunhap, Tuoi, Duno and 02 factors that have a negative effect (decrease) on the ability to repay loans on time. are Laisuat and Thoigian. On the basis of the research team randomly surveyed 349 individual customers with outstanding credit balance at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank, Ca Mau branch from January 1, 2021 to June 30, 2022, along with the Supported by software SPSS 20.0. The study is considered as a useful reference for bank administrators; credit officer; student; students and researchers interested in this field of study after the Covid 19 pandemic.

**Keywords:** Debt repayment on time

<sup>1</sup> Khoa Tài chính – Kế toán, Trường Đại học Cửu Long

<sup>2</sup> Sinh viên TCNH – Khóa 20, Khoa Tài chính – Kế toán, Trường Đại học Cửu Long

\* Người chịu trách nhiệm về bài viết: Huỳnh Minh Đoàn (Email: minhdoandhcl@yahoo.com)

## 1. Giới thiệu

Năm 2022, theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) nhận thấy chất lượng tín dụng và những giải pháp hạn chế nợ xấu của hệ thống ngân hàng tiếp tục là đề tài tranh luận nhiều nhất. Theo quan điểm của ngân hàng, chất lượng tín dụng với các yếu tố cấu thành cơ bản đó là mức độ an toàn của tín dụng và khả năng sinh lời do hoạt động tín dụng mang lại. Nợ xấu nếu không được giải quyết một cách triệt để sẽ là gánh nặng cho ngân hàng và tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Mà nguyên nhân dẫn đến tình trạng này bắt nguồn từ khả năng trả nợ của khách hàng. (Nguồn: Theo OECD 25.04.2022)

Khách hàng cá nhân (KHCHN) trong hoạt động ngân hàng chiếm vị trí đặc biệt, vì nó không những có số lượng cực lớn mà còn liên quan đến toàn bộ quá trình tiêu dùng của xã hội. Cá nhân có quá nhiều nhu cầu tài chính để phục vụ đời sống của họ. Vì vậy tín dụng cá nhân là một trong những sản phẩm thiết yếu cấu thành nên hệ thống dịch vụ ngân hàng bán lẻ của một NHTM.

Theo Hội nghị trực tuyến tổng kết năm 2021 của UBND tỉnh Cà Mau cho sau đại dịch Covid – 19 thu nhập của người dân bị sụt giảm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến đời sống đời thường của người dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đặc biệt, đối với những hộ có vay vốn ngân hàng thì việc khó khăn nhân lên gấp bội nên làm ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng cá nhân. Có rất nhiều khách hàng cá nhân chưa thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng và tỷ lệ này đang tăng dần trong những tháng đầu năm 2022. Mặc dù tỷ lệ này còn khá thấp so với mặt bằng chung ngành ngân hàng và an toàn so với tỷ lệ quy định của Ngân hàng nhà nước, tuy nhiên đây cũng là một trong những dấu hiệu cho thấy chất lượng tín dụng đối với đối tượng khách hàng cá nhân tại chi

nhánh ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau. Trên cơ sở đó chúng tôi chọn đề tài “*Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của khách hàng cá nhân sau dịch covid 19 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau*” để nghiên cứu. (Nguồn: Báo cáo tổng kết của UBND tỉnh năm 2021)

## 2. Thiết kế nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm có liên quan

**Khái niệm cho vay:** Là cho vay áp dụng cho khách hàng là các cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác. Cho vay khách hàng cá nhân là quan hệ kinh tế mà trong đó ngân hàng chuyên cho các cá nhân sử dụng một khoản tiền với những điều kiện nhất định được thỏa thuận trong hợp đồng nhằm phục vụ mục đích của khách hàng. Trong nghiên cứu này cho vay khách hàng cá nhân bao gồm tất cả các khoản cho vay tài trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh như: vay để bổ sung vốn lưu động theo thời vụ, vay đầu tư cải tạo, xây dựng nhà xưởng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, mua máy móc thiết bị...

**Khái niệm rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng trong cho vay đối với KHCHN là khả năng xảy ra những tổn thất mà NH phải chịu do khách hàng cá nhân không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.”

### 2.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu của đề tài được thực hiện như sau:

- Bước 1 Nghiên cứu định tính

Tại bước này tác giả nghiên cứu lý thuyết, các nghiên cứu có liên quan trước đây về các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân trong và ngoài nước. Qua đó, xác định mục tiêu nghiên cứu và đưa ra các biến thích hợp cho mô hình.



- Bước 2: Xây dựng mô hình nghiên cứu dự kiến

Căn cứ vào kết quả các nghiên cứu trước và thực tế hoạt động cho vay tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu.

- Bước 3: Thu thập dữ liệu thông qua các hồ sơ tín dụng tại ngân hàng

- Bước 4: Nhập dữ liệu theo mô hình nghiên cứu dự kiến

Từ dữ liệu thu thập được dữ liệu phù hợp yêu cầu, Tiến hành nhập dữ liệu theo mô hình nghiên cứu dự kiến.

- Bước 5: Xử lý dữ liệu thông qua việc sử dụng phần mềm thống kê chuyên dụng

Dữ liệu thu thập được xử lý với phần mềm excel và chương trình SPSS phiên bản 20.0.

- Bước 6: Tổng hợp và thảo luận kết quả nghiên cứu, kết luận – hàm ý chính sách

### 2.3. Các công trình nghiên cứu trước đây

Các nghiên cứu trước đây đều sử dụng các mô hình mô hình nhị phân để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng khi vay vốn tại ngân hàng và các biến độc lập trong các nghiên cứu trước có liên quan được tác giả thống kê lại thông qua bảng 1. Đây cũng chính là cơ sở thực nghiệm cho mô hình nghiên cứu đề xuất của tác giả.

**Bảng 1: Các nhân tố từ nghiên cứu có liên quan**

STT	Tác giả	Bài nghiên cứu	Các nhân tố ảnh hưởng
1	W o n g n a a , D.Awunyo-Vi- tor (2013)	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của các hộ nông dân trồng khoai lang quận Sene, Gana.	- Giáo dục - Tuổi - Kinh nghiệm - Thu nhập phi NN - Lợi nhuận - Giám sát
2	Munene & Guyo (2013)	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của người dân có vay vốn tại Kenya	- Kinh nghiệm kinh doanh - Nghề nghiệp - Số thành viên tham gia kinh doanh - Thu nhập
3	Thanh Loan, Thúy Anh & Quốc Uy (2019)	Vận dụng mô hình nhị phân logit: Nghiên cứu tại Ngân hàng BIDV CN Vĩnh Long.	- Trình độ - Ngành - Thu nhập - Thời gian vay - Lãi suất vay - Giá trị TSDB - Dư nợ vay



STT	Tác giả	Bài nghiên cứu	Các nhân tố ảnh hưởng
4	Lê Đắc Công Hiệu (2013)	Các nhân tố ảnh hưởng đến xác suất trả nợ của KHCN tại AbBank.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuổi</li> <li>- Học vấn</li> <li>- Nhà ở</li> <li>- Người ăn theo</li> <li>- Thời gian làm việc</li> <li>- Chức vụ</li> <li>- Thu nhập</li> <li>- Lịch sử trả nợ</li> </ul>
5	Trương Đông Lộc, Nguyễn Thanh Bình (2011)	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của nông ở tỉnh Hậu Giang.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng vốn</li> <li>- Thu nhập sau khi cho vay</li> <li>- Tuổi</li> <li>- Ngành nghề tạo ra thu nhập chính</li> <li>- Số thành viên trong gia đình có thu nhập</li> <li>- Học vấn của chủ hộ</li> <li>- Lãi suất</li> </ul>
6	Nguyễn Trọng Tài (2017)	Thực tiễn hoạt động của Ngân hàng Chính sách Xã hội và một số khuyến nghị chính sách	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ như: (1) Phải duy trì bộ máy rộng lớn để hộ nghèo, hộ chính sách được tiếp cận nguồn vốn vay là thật sự cần thiết không; (2) Sự ràng buộc trách nhiệm các tổ chức, hội đoàn thể tại các địa phương là như thế nào; (3) Lãi suất cho vay thấp tạo ra những bất cập trên thị trường tài chính; (4) Đối tượng vay chủ yếu là nghèo, hạn chế khả năng trả nợ, ảnh hưởng đến phát triển bền vững của các NH CSXH.
7	Đặng Thị Cẩm Nhung (2015)	Phân tích các yếu tố tác động đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Long An	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính</li> <li>- Nghề nghiệp</li> <li>- Tình trạng hôn nhân</li> <li>- Thời hạn vay</li> <li>- Thu nhập bình quân của hộ - Chi tiêu bình quân của hộ.</li> </ul>

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các nghiên cứu có liên quan)



#### 2.4. Đề xuất mô hình nghiên cứu

Tác giả vận dụng dựa trên mô hình 5C và căn cứ vào tình hình cho vay KHCN tại ngân

hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình ban đầu với 08 biến độc lập như sau:

**Bảng 2: Tổng hợp nguồn tham khảo cho các biến độc lập**

STT	Biến độc lập	Nghiên cứu
1	Mục đích sử dụng vốn	Trương Đông Lộc, Nguyễn Thanh Bình (2011)
2	Thu nhập	Kohansal & Mansoori (2009), Wongnaa, D.Awunyo-Vitor (2013) Trương Đông Lộc (2011)
3	Lãi suất vay	Kohansal & Mansoori (2009) Afolabi J.(2010) Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011)
4	Độ tuổi	Wongnaa, D.Awunyo-Vitor (2013), Pasha, C.A.M & Negese (2014), Kibrom Tadesse (2010)
5	Tài sản đảm bảo	Antwi & ctg (2012) Theresa U. Anigbogu, PhD & ctg (2014) Kohansal & Mansoori (2009)
6	Thời hạn vay	Kibrom Tadesse (2010), Pasha, C.A.M & Negese (2014) Trần Thế Sao (2017)
7	Học vấn	Wongnaa, D.Awunyo-Vitor (2013), Pasha, C.A.M & Negese (2014), Trương Đông Lộc (2011),
8	Dư nợ	Kohansal & Mansoori (2009), Pasha, C.A.M & Negese (2014) Trần Thế Sao (2017)

(Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu)

#### Mô tả biến và kỳ vọng dấu

**(1) Biến phụ thuộc (Y): Khả năng trả nợ vay đúng hạn**

Biến phụ thuộc được xác định dựa trên

khả năng trả nợ đúng hạn của khách hàng cá nhân sau dịch covid 19 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau trong vòng 1 năm kể từ khi thu thập thông tin dữ liệu của khách hàng.

**Bảng 3: Mô tả biến phụ thuộc**

Biểu hiện	Cách xác định	Giá trị biến
Có khả năng trả nợ đúng hạn	Nợ quá hạn $\leq 10$ ngày	Y = 1
Không có khả năng trả nợ đúng hạn	Nợ quá hạn $> 10$ ngày	Y = 0

**(2) Biến độc lập (Xj)**

Các biến độc lập được tác giả đưa vào mô hình nghiên cứu là những biến được các tác giả trước đây sử dụng nhiều nhất. Ngoài

ra, dựa vào kết quả nghiên cứu trước đây tác giả đưa ra kỳ vọng dấu của các biến độc lập thông qua bảng sau:

**Bảng 4: Mô tả biến độc lập và kỳ vọng dấu**

Biến	Tên Biến	Ký hiệu	Thang đo	Kỳ vọng dấu
X <sub>1</sub>	Mục đích sử dụng vốn vay	Mucdich	Đúng mục đích = 1 Không đúng mục đích = 0	+
X <sub>2</sub>	Thu nhập sau vay	ThuNhap	Triệu đồng	+
X <sub>3</sub>	Lãi suất vay	LaiSuat	Lãi suất năm (%)	-
X <sub>4</sub>	Tuổi của người vay	Tuoi	Số tuổi	+
X <sub>5</sub>	Giá trị tài sản đảm bảo	TSDB	Có TSDB =1 Không có TSDB =0	Có ảnh hưởng
X <sub>6</sub>	Thời gian vay vốn	Thoigian	Thang	+
X <sub>7</sub>	Trình độ	TrinhDo	1: Dưới THPT 2: THPT 3: Trung cấp, cao đẳng 4: Đại học và trên đại học	+
X <sub>8</sub>	Dư nợ người vay	Dur no	Triệu đồng	+

(Nguồn: Tác giả xây dựng)

**3. Phương pháp nghiên cứu**

**Phương pháp chọn mẫu**

Dữ liệu nghiên cứu được nhóm tác giả khảo sát ngẫu nhiên 360 KHCN đang có dư nợ tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau từ tháng

01/06/2022 đến 30/08/2022. Tổng số phiếu phát ra 360 phiếu, số phiếu thu về 355 phiếu; trong 355 phiếu thu về có 6 phiếu không hợp lệ do sai thông tin và bỏ trống câu trả lời, còn lại 349 phiếu hợp lệ và được thống kê qua bảng sau:



**Bảng 5: Cơ cấu mẫu nghiên cứu theo khả năng hoàn trả nợ vay của KHCN**

ĐVT: Khách hàng

Khả năng trả nợ vay đúng hạn	Số khách hàng cá nhân điều tra	Tỷ lệ (%)
Đúng hạn	141	40,40
Không đúng hạn	208	59,60
Tổng	349	100

(Nguồn: Số liệu khảo sát các KHCN vay vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau 8/2022)

**Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng.

Nghiên cứu định tính: Dựa vào kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau gồm 8 biến độc lập: (1) Mục đích sử dụng vốn vay; (2) Thu nhập sau vay; (3) Lãi suất vay; (4) Tuổi của người đi vay; (5) Giá trị tài sản đảm bảo; (6) Thời gian vay vốn; (7) Trình độ học vấn

của người vay; (8) Dư nợ người vay và 1 biến phụ thuộc (Y) khả năng trả nợ vay đúng hạn.

**Phương pháp nghiên cứu định lượng:**

Trong nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy logistic để xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân sau dịch covid 19 tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Cà Mau để kiểm định Wald để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và kiểm định mức độ phù hợp của mô hình (Kiểm định Omnibus)...

**4. Kết quả nghiên cứu****Kiểm định ma trận tương quan****Bảng 6: Phân tích ma trận tương quan**

	Mục đích	Thu nhập	Lãi suất	Tuổi	Tsdb	Duno	Trình độ	Thời gian	
Y	Pearson Correlation	.250**	.724**	-.380**	.238**	.176**	.255**	.041	-.243**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.001	.000	.441	.000
	N	349	349	349	349	349	349	349	349

(Nguồn: Phân tích dữ liệu của tác giả từ SPSS)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho thấy giá trị Sig. của biến độc lập (X<sub>1</sub>) Mục đích sử dụng vốn vay; (X<sub>2</sub>) Thu nhập sau vay; (X<sub>3</sub>) Lãi suất vay; (X<sub>4</sub>) Tuổi của người đi vay; (X<sub>5</sub>) Giá trị tài sản đảm bảo; (X<sub>6</sub>) Thời gian vay vốn;

(X<sub>8</sub>) Dư nợ người vay có giá trị nhỏ hơn 0,05. Điều này cho thấy 7 biến độc lập có mối tương quan với biến phụ thuộc. Biến (X<sub>7</sub>) Trình độ học vấn của người vay có giá trị Sig. = 0,441 >0,05 cho thấy biến này không có tương quan



với biến phụ thuộc (Có khả năng sẽ bị loại sau khi kiểm định hệ số hồi quy).

Căn cứ vào hệ số tương quan Pearson Các biến (X<sub>1</sub>) Mục đích sử dụng vốn vay; (X<sub>2</sub>) Thu nhập sau vay; (X<sub>4</sub>) Tuổi của người đi vay; (X<sub>5</sub>) Giá trị tài sản đảm bảo; Biến (X<sub>7</sub>) Trình độ học vấn của người vay; (X<sub>8</sub>) Dư nợ người vay có giá trị tương quan Pearson lần lượt 0,250\*\*; 0,724\*\*; 0,238\*\*; 0,176\*\*; 0,041\*\*; 0,255\*\* có quan hệ tương quan thuận chiều với Y (Khả năng trả nợ vay đúng hạn). Các biến (X<sub>3</sub>) Lãi suất vay và (X<sub>6</sub>) Thời gian vay vốn có giá trị tương quan Pearson lần lượt -0,380\*\*; -0,243\*\* có quan hệ tương quan nghịch chiều với Y (Khả năng trả nợ vay đúng hạn).

**Kiểm định wald**

**Bảng 7: Kiểm định Wald (sau khi loại biến)**

Biến	Hệ số Beta	Sig.
Mucdich	1.010	.027
Thunhap	5.154	.000
Laisuat	-4.270	.000
Tuoi	1.076	.000
Duno	.029	.027
Thoigian	-.137	.000
Constant	-4.915	.004

(Nguồn: Phân tích dữ liệu của tác giả từ SPSS)

**Mô hình hồi qui điều chỉnh như sau:**

$$Y = \log_e \left[ \frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = -4,915 + 1,010 * \text{Mucdich} + 5,154 * \text{Thunhap} - 4,270 * \text{Laisuat} + 1,076 * \text{Tuoi} - 0,137 * \text{Thoigian} + 0,029 * \text{Duno}$$

Trong đó, các hệ số β đều có sig. < 0,05: có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5%.

Trong 06 nhân tố tác động đến khả năng trả nợ vay đúng hạn khi vay vốn của khách

hàng cá nhân sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau. Trong đó, có 4 nhân tố ảnh hưởng tích cực (tăng) đến khả năng trả nợ vay đúng hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau là Mucdich, Thunhap, Tuoi, Duno. Còn 02 nhân tố còn lại có ảnh hưởng tiêu cực (giảm) là Laisuat và Thoigian. Ngoài ra, nhân tố tác động mạnh nhất đến khả năng trả nợ vay đúng hạn khi vay vốn của khách hàng cá nhân sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau là Thu nhập sau vay (β = 5,154) và nhân tố có tác động thấp nhất là dư nợ người vay (β = 0,029).

**Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình (kiểm định Omnibus)**

**Bảng 8: Kiểm định Omnibus**

		Chi-square	df	Sig.
Step 1	Step	319.956	8	.000
	Block	319.956	8	.000
	Model	319.956	8	.000

(Nguồn: Phân tích dữ liệu của tác giả từ SPSS)

Kết quả ở bảng trên cho thấy độ phù hợp tổng quát có mức ý nghĩa quan sát sig. = 0,000 (rất nhỏ) < 0,05: nên ta bác bỏ H0, nghĩa là tổ hợp liên hệ tuyến tính của toàn bộ các hệ số trong mô hình có ý nghĩa trong việc giải thích cho biến phụ thuộc.

Kiểm định mức độ giải thích của mô hình

**Bảng 9: Kiểm định mức độ giải thích của mô hình**

Step	-2 Log likelihood	Cox & Snell R Square	Nagelkerke R Square
1	150.918 <sup>a</sup>	.600	.810

(Nguồn: Phân tích dữ liệu của tác giả từ SPSS)





Dựa vào bảng số liệu trên cho thấy hệ số mức độ giải thích của mô hình:  $R^2$  Nagelkerke = 0,810. Điều này có nghĩa là 81,0% sự thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi 6

biến độc lập trong mô hình, còn lại là do các yếu tố khác.

Kiểm định mức độ dự báo tính chính xác của mô hình

**Bảng 10: Mức độ chính xác của dự báo**

Quan sát được			Dự đoán		
			Y		Phần trăm đúng
			Không dung hạn	Dung hạn	
Step 1	Y	Không dung hạn	192	16	92.3
		Dung hạn	13	128	90.8
	Phần trăm tổng thể				91.7

(Nguồn: Phân tích dữ liệu của tác giả từ SPSS)

Qua bảng trên cho thấy trong 208 trường hợp được dự đoán về khách hàng không có khả năng trả nợ vay đúng hạn thì mô hình đã dự đoán trúng 192 trường hợp tương ứng tỷ lệ là 92,3%. Còn 141 trường hợp được dự đoán là có khả năng trả nợ thì mô hình đã dự đoán trúng 128 trường hợp tương ứng với tỷ lệ là 90,8%.

Từ điều này, ta tính được tỷ lệ dự đoán đúng của toàn bộ mô hình là 91,7%.

### 5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Với kết quả trên, cho thấy đề tài đã đạt được một số kết quả nhất định. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cơ cấu nợ vay KHCN phân theo nhóm nợ

**Bảng 11: Dư nợ vay KHCN phân theo nhóm nợ giai đoạn 2019 - 2021**

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm			Tỷ trọng (%)		
	2019	2020	2021	2019	2020	2021
Nợ nhóm 1	253,55	343,55	464,86	97,52	98,16	97,89
Nợ nhóm 2	4,35	4,35	4,44	1,67	1,24	0,93
Nợ nhóm 3,4,5	2,10	2,10	5,70	0,81	0,60	1,20
Tổng cộng	260,00	350,00	474,90	100	100	100

(Nguồn: SHB chi nhánh Cà Mau)

Trong năm 2021, SHB chi nhánh Cà Mau tập trung vào công tác xử lý nợ xấu, nợ quá hạn bằng việc thành lập ban xử lý nợ chuyên trách, áp dụng nhiều biện pháp để thu nợ, đồng thời do chịu ảnh hưởng của đại dịch

Covid 19 vừa qua, điều này làm cho tỷ lệ nợ xấu tăng lên đáng kể. Năm 2019, nợ xấu của KHCN (nhóm 3, 4, 5) là 0,81% sau đó giảm xuống còn 0,60% năm 2020 và tăng lên mức 1,20% năm 2021. Nợ quá hạn đủ tiêu chuẩn

(nhóm 1) và nợ quá hạn cần chú ý (nhóm 2) với tỷ lệ trả nợ của KHCN qua các năm khá tốt và ổn định, tuy nhiên năm 2021 có mức giảm xuống so với 2019, 2020 do ảnh hưởng từ dịch covid 19 vừa qua.

Thứ hai, về các biến số có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu để tìm ra 06 nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay đúng hạn như: Mucdich, Thunhap, Tuoi, Duno; Laisuat Và Thoigian.

Thứ ba, về sự phù hợp với thực tiễn của dấu và độ lớn của các hệ số  $\beta$ . Qua mô hình, có 4 nhân tố tác động thuận chiều với khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau là: Mucdich, Thunhap, Tuoi, Duno; ngược lại, 2 nhân tố tác động nghịch chiều với khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau là Laisuat và Thoigian. Điều này phù hợp với thực tiễn tại ngân hàng.

**Bảng 12: Tóm tắt kỳ vọng của giả thuyết và kết quả mô hình**

Biến	Tên Biến	Kỳ vọng dấu	Kết quả mô hình
X <sub>1</sub>	Mục đích sử dụng vốn vay	+	+
X <sub>2</sub>	Thu nhập sau vay	+	+
X <sub>3</sub>	Lãi suất vay	-	-
X <sub>4</sub>	Tuổi của người vay	+	+
X <sub>6</sub>	Thời gian vay vốn	+	-
X <sub>8</sub>	Dư nợ người vay	+	+

(Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát trên SPSS của tác giả)

Căn cứ vào kết quả của mô hình nghiên cứu:

$$Y = \log_e \left[ \frac{P(Y=1)}{P[Y=0]} \right] = - 4,915 + 1,010 * \text{Mucdich} + 5,154 * \text{Thunhap} - 4,270 * \text{Laisuat} + 1,076 * \text{Tuai} - 0,137 * \text{Thoigian} + 0,029 * \text{Duno}$$

Từ đây, cho thấy kết quả nghiên cứu so với các công trình trước không khác biệt nhiều. Cụ thể:

**Biến Mucdich:** Tương quan thuận với khả năng trả nợ vay đúng hạn của KHCN sau dịch Covid 19 với hệ số  $\beta = 1,010$  tại mọi ý nghĩa thống kê  $\alpha = 5\%$ .

Kết quả này tương đồng với giả thuyết ban đầu và kết quả nghiên cứu của Kibrom Tadesse (2010), Wongnaa, D.Awunyo-Vitor (2013), Shaik Abdul Majeed PASHA & NEGESE (2014), Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011).

**Biến Thunhap:** Tương quan thuận với khả năng trả nợ vay đúng hạn của KHCN sau dịch Covid 19 với hệ số  $\beta = 5,154$  tại mọi mức ý nghĩa thống kê  $\alpha = 5\%$ .

Về mặt lý thuyết khách hàng có thu nhập càng cao thì khả năng trả nợ đúng hạn càng lớn và ngược lại. Bởi vì khi có thu nhập cao thì khách hàng sẽ thanh toán nợ đúng hạn hoặc trả trước hạn để giảm bớt chi phí trả lãi.

Kết quả này tương đồng với giả thuyết ban đầu và kết quả nghiên cứu của Kohansal & Mansoori (2009), Wongnaa, D.Awunyo-Vitor (2013), Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011)..

**Biến Laisuat:** Tương quan tỷ lệ nghịch đến khả năng trả nợ vay đúng hạn của KHCN



sau dịch Covid 19 với hệ số  $\beta = -4,270$  và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%.

Điều này có ý nghĩa rằng nếu lãi suất càng cao thì khả năng KHCN sau dịch Covid 19 trả nợ vay đúng hạn càng thấp và ngược lại. Lãi suất khoản vay càng lớn, chi phí trả nợ hàng tháng sẽ càng cao và ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

Kết quả này tương đồng với giả thuyết ban đầu và kết quả nghiên cứu của Kohansal & Mansoori (2009), Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011).

**Biến Tuổi:** Tương quan thuận với khả năng trả nợ vay đúng hạn của KHCN sau dịch Covid 19 với hệ số  $\beta = 1,076$  tại mọi mức ý nghĩa thống kê  $\alpha = 5\%$ .

Một số nghiên cứu thực nghiệm như của Shaik Abdul Majeed PASHA & NEGESE (2014) và Kohansai và Mansoori (2009) sử dụng tính ưa thích rủi ro và kinh nghiệm ẩn chứa trong yếu tố độ tuổi để giải thích sự tác động thuận chiều của biến số này tới khả năng trả nợ. Trong khi đó, một số nghiên cứu khác của Trương Đông Lộc và Nguyễn Thanh Bình (2011) căn cứ vào khả năng tạo ra thu nhập để giải thích về sự tác động nghịch chiều của biến số này tới khả năng trả nợ.

**Biến Thoigian:** Tương quan tỷ lệ nghịch với khả năng trả nợ đúng hạn của KHCN sau dịch Covid 19 với hệ số  $\beta = -0,137$  tại mọi mức ý nghĩa thống kê  $\alpha$ .

Kết quả này cho thấy có sự không tương đồng với giả thuyết ban đầu và kết quả nghiên cứu của Kibrom Tadesse (2010), Trần Thế Sao (2017).

Thực tế cho thấy thời gian vay càng dài thì càng có rủi ro. Khả năng mất vốn là khá

cao. Do đó, trong nghiên cứu biến “thời gian trả nợ vay” có sự khác biệt so với các nghiên cứu trước đây.

**Biến Duno:** Tương quan thuận với khả năng trả nợ vay đúng hạn của KHCN với hệ số  $\beta = 0,029$  tại mọi mức ý nghĩa thống kê  $\alpha = 5\%$ .

Về mặt lý thuyết nghiên cứu, dư nợ vay càng lớn sẽ càng giúp cho khách hàng dễ dàng xoay chuyển hơn và tạo ra những khoản thu nhập mang lại giá trị cao hơn. Trong khi đó những khách hàng vay những khoản nhỏ lẽ thường sử dụng cho mục đích tiêu dùng, những mục đích mang tính cấp thời và rủi ro. Một số nghiên cứu thực nghiệm như của (Kohansal và Mansoori, 2009) cũng ủng hộ giả thuyết này.

*Tóm lại: Qua kết quả nghiên cứu cho thấy tuy mô hình và các biến được đưa vào mô hình là tương đồng giữa các nghiên cứu thực nghiệm mà tác giả tham khảo và nghiên cứu của tác giả tại chi nhánh, nhưng kết quả sự ảnh hưởng của các nhân tố là khác nhau, do đặc trưng khách hàng vay vốn tại từng địa bàn, đặc điểm riêng biệt của địa phương, quy mô chi nhánh, đối tượng cho vay...*

## 6. Một số hàm ý chính sách

**Đối với những nhân tố có tương quan thuận chiều**

**Thứ nhất, mục đích sử dụng vốn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau cần tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức trên địa bàn, đoàn thể,... hỗ trợ, trang bị cho khách hàng vay vốn những kiến thức cơ bản về sản xuất kinh doanh, làm ăn, cách sử dụng vốn vay, kỹ thuật sản xuất, thông tin thị trường, hỗ trợ giá



cả nhằm giúp khách hàng cá nhân sử dụng vốn đúng mục đích và khai thác có hiệu quả đồng vốn.

Đẩy mạnh các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trợ giúp kiến thức khoa học kỹ thuật, xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh, thông tin thị trường, giải quyết khâu tiêu thụ, chế biến nông sản cho các hộ nông dân nói chung và các hộ kinh doanh có ký kết với tổ chức bao tiêu sản phẩm nói riêng. Tốt nhất là nên thực hiện miễn phí các chương trình này hoặc phí rất thấp.

**Thứ hai, thu nhập của khách hàng:** Đối với các KHCN vay kinh doanh có quy mô tương đối lớn thì cán bộ QLKH nên hướng dẫn khách hàng vay theo phương thức vay hạn mức, tiền bán hàng về thu nợ và sau đó sẽ giải ngân theo từng hợp đồng mua bán,... với cách làm như vậy thì ngân hàng sẽ quản lý được dòng tiền bán hàng, hạn chế việc sử dụng vốn sai mục đích và đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn của khách hàng cho ngân hàng.

Việc tăng cường khả năng thẩm định của nhân viên tín dụng cũng là một điều quan trọng, giúp cho việc thẩm định khách hàng chính xác hơn, ít rủi ro khi xét duyệt hồ sơ, tránh trường hợp khách hàng giả mạo chứng từ để lừa đảo ngân hàng.

**Thứ ba, tuổi của người vay:** Tuổi càng cao, uy tính trả nợ của ngân hàng càng cao. Do đó, trong thời gian tới, Cán bộ tín dụng cần hỗ trợ cho những khách hàng có độ tuổi trung niên tiếp cận đến các chương trình tín dụng của ngân hàng để họ tiếp nhận được nguồn vốn nhằm cung cấp nguồn vốn để họ sản xuất

tăng thu nhập cho gia đình và trả nợ cho các khoản vay.

Ngoài ra, trong độ tuổi trung niên, khách hàng thường là trụ cột gia đình, nên có những suy nghĩ kinh doanh mang tính thiết thực, có tính thực tiễn cao nên nhận thức của họ cũng cao. Nên khả năng trả nợ của khách hàng trong độ tuổi này là khá đúng hạn.

**Thứ tư, dư nợ tín dụng:** Theo kết quả của mô hình thì dư nợ càng cao khả năng trả nợ càng cao. Khi dư nợ tăng đồng nghĩa với khách hàng vay vốn đúng nhu cầu sử dụng cho hoạt động sản xuất của mình. Nên sẽ tập trung vào trong sản xuất để tạo ra sản phẩm nhằm gia tăng nguồn thu nhập của mình nên làm cho khả năng trả nợ ngân hàng tăng lên. Tuy nhiên, khi quy mô mở rộng, nhu cầu vốn của khách hàng sẽ tăng theo, vì vậy cán bộ QLKH cần phải thẩm định thật đầy đủ phương án sản xuất kinh doanh mới, đặc biệt đầu ra của sản phẩm, năng lực quản lý, nguồn vốn tự có của khách hàng để quyết định tăng thêm dư nợ tín dụng phù hợp, hạn chế khả năng trả nợ không đúng hạn.

Để có thể biết được tổng dư nợ vay của khách hàng cán bộ quản lý khách hàng có thể căn cứ vào thông tin cung cấp từ trung tâm thông tin tín dụng quốc gia CIC. Biết được tình trạng nợ tại các TCTD khác giúp CB QLKH có thêm nhiều thông tin về khách hàng, đánh giá đúng về mức độ rủi ro tiềm ẩn và sớm có biện pháp ngăn ngừa rủi ro. Lịch sử tín dụng, nhóm nợ... cũng sẽ phản ánh được tiềm năng và thiện chí trả nợ của khách hàng, CB QLKH có thể dựa vào tiêu chí này để định hướng quan hệ tín dụng với khách hàng hiện tại và trong tương lai, cũng như khai thác thêm các sản phẩm dịch vụ khác từ khách hàng.





Cán bộ quản lý khách hàng cần cân đối dư nợ hiện tại của khách hàng tại các TCTD khác với kế hoạch sản xuất kinh doanh (tạo ra nguồn thu nhập để trả nợ) từ đó cân nhắc ra quyết định cho vay một số tiền phù hợp, đảm bảo khách hàng đủ khả năng trả nợ cho NH và các TCTD. Một khách hàng cực tốt sẽ được nhiều TCTD săn đón và dư nợ càng cao tại các TCTD thì áp lực trả nợ sẽ càng lớn dễ dẫn tới tình trạng sản sẽ thu nhập để trả nợ theo một thứ tự nhất định và tất nhiên khả năng trả nợ không đúng hạn sẽ xảy ra.

### **Đối với những nhân tố có tương quan nghịch chiều**

**Thứ nhất, lãi suất vay:** Từ kết quả mô hình ta thấy lãi suất là nhân tố tác động nghịch biến và mạnh nhất trong 2 nhân tố ảnh hưởng nghịch chiều với khả năng trả nợ vay đúng hạn của khách hàng cá nhân sau dịch Covid 19 khi vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau. Và lãi suất luôn là vấn đề được người đi vay quan tâm vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của họ. Ngân hàng và người đi vay đều mong đợi thu được lợi nhuận cao và trái chiều nhau về lãi suất. Lãi suất cao mang lại lợi nhuận cho ngân hàng nhưng đối với người vay lại là gánh nặng. Lãi suất vay của khách hàng sau dịch Covid 19 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau được cấu thành bởi lãi suất mua vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau với TW và cộng thêm biên độ nhất định. Lãi suất vay không cố định trong từng thời điểm khác nhau. Trong điều kiện sản xuất kinh doanh không có nhiều thay đổi, khi lãi suất vay có xu hướng tăng cao sẽ là

áp lực đối với khách hàng vay vốn trong việc trả nợ ngân hàng.

Do đó, việc áp dụng cơ chế lãi suất linh hoạt, phù hợp với thị trường và tuân thủ theo quy định của NHNN là một công cụ để ngân hàng có thể thu hút khách hàng mới, duy trì khách hàng hiện hữu cũng như giảm thiểu nguy cơ khách hàng mất khả năng trả nợ trong điều kiện thị trường có nhiều biến động. Cán bộ QLKH nên căn cứ vào đặc điểm kinh doanh của khách hàng, căn cứ vào các kỳ hạn bán vốn của NH để đưa ra các gói lãi suất phù hợp với từng khách hàng, góp phần giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng cạnh tranh của NH nhưng vẫn đảm bảo được lợi nhuận hợp lý.

**Thứ hai, thời hạn vay:** Thời hạn vay có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân. Đây là yếu tố xem là quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chu kỳ sản xuất của KHCN. Nếu cán bộ tín dụng tính toán chu kỳ sản xuất sai thì rất dễ xảy ra tình trạng quá hạn của KHCN. Do vậy, khi thẩm định thì cần tính toán hợp lý chu kỳ sản xuất, chu kỳ kinh doanh để đưa ra phương án phù hợp cho KHCN.

Thời gian vay càng ngắn sẽ khiến cho khả năng trả nợ của khách hàng càng giảm do áp lực về thời gian trả nợ sẽ khiến cho khách hàng không đủ khả năng xoay sở tìm kiếm nguồn trả nợ. Tuy nhiên nếu thời gian quá dài so với chu kỳ sản xuất thì cũng dễ dẫn đến việc sử dụng vốn vay sai mục đích, ngân hàng không thể kiểm soát được doanh thu của khách hàng và khi đến hạn lại không có tiền để trả nợ vay. Vì vậy cán bộ quản lý khách hàng cần phải am hiểu về chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành nghề



khi cho vay, từ đó xác định thời gian cho vay phù hợp.

Đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau công tác nguồn vốn được điều hành theo nguyên tắc bán và mua vốn giữa Hội sở chính và chi nhánh. Kỳ hạn mua và bán vốn rất đa dạng. Đối với các khách hàng vay kinh doanh thương mại cán bộ QLKH cần tìm hiểu vòng quay vốn của khách hàng, lựa chọn kỳ hạn bán vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng trong trả nợ hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích.

Kỳ hạn trả lãi tiền vay: các sản phẩm vay ngắn hạn, trung hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Cà Mau công có kỳ hạn trả nợ lãi tối đa không quá 03 tháng. Do đó, khi cho vay cán bộ QLKH cần đánh giá chính xác nguồn trả nợ của khách hàng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. TIẾNG VIỆT

- [1] Đinh Phi Hồ (2014), Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sỹ. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Phương Đông.
- [2] Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, (2008), “Phân tích dữ liệu với SPSS”, Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Hồng Đức.
- [3] Mai Văn Nam (2006), *Giáo trình kinh tế lượng*, NXB Thống Kê, TpHCM.

[4] Nguyễn Đăng Dờn (2016), *Giáo trình Quản trị kinh doanh ngân hàng II*, Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

### B. TIẾNG ANH

- [1] Bekhet, H. A., & Eletter, S. F. K. (2014). Credit risk assessment model for Jordanian commercial banks: neural scoring approach. *Review of Development Finance*, 4(1), 20-28.
- [2] Mai Thanh Loan, Phan Dư Thúy Anh & Nguyễn Quốc Uy (2019), *The application of the binary logistic model: a case of Joint stock commercial bank for Investment and Development of VietNam (BIDV) in VinhLong province*, *International Journal of Small Business Entrepreneurship Research*, Vol.7, No. 2, pp. 1-12, April 2019.
- [3] Munene, H, Guyo, S, (2013), “Factors Influencing Loan Repayment Default in Micro – Finance Institutions: The Experience of Imenti North District , Kenya”, *International Journal of Applied Science and Technology*, Vol.3No,3; March 2014
- [4] C. A. Wongnaa1, D. Awunyo-Vitor, (2013). “Factors Affecting Loan Repayment Performance Among Yam Farmers in the Sene District, Ghana.” *Agris on-line Papers in Economics and Informatics*, 5(2):111-122.

Ngày nhận bài: 20/10/2022

Ngày gửi phản biện: 21/10/2022

Ngày duyệt đăng: 28/11/2022